

Vietnam Daily Review

Dòng tiền phân hóa

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/10/2022	•		
Tuần 17/10-21/10/2022	•		
Tháng 10/2022		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: Thị trường giảm điểm từ lúc mở cửa phiên sáng. VN-Index giảm một mạch xuống vùng 1,035 trước khi lực cầu xuất hiện và đẩy chỉ số đi lên, giúp chỉ số thu hẹp đà giảm và kết phiên tại mốc 1,051.58, giảm hơn 10 điểm so với phiên trước đó. 9/19 ngành tăng điểm, tuy nhiên số mã giảm lại nhiều hơn số mã tăng cho thấy dòng tiền tập trung vào một số mã nhất định trong từng ngành. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, VN-Index đang thành công giữ được mốc 1,050. Trong ngắn hạn, có thể chỉ số sẽ rung lắc trong vùng 1,050-1,060.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm theo VN30. Nhà đầu tư nên giao dịch ngắn hạn theo chiều bán trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/10/2022, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

- Điểm nhấn:**
- VN-Index **-10.27** điểm, đóng cửa **1051.58** điểm. HNX-Index **-1.43** điểm, đóng cửa **226.46** điểm.
 - Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.83)**, **SHB (+0.34)**, **DGC (+0.31)**, **STB (+0.24)**, **REE (+0.23)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **VIC (-3.59)**, **VHM (-2.66)**, **VCB (-2.16)**, **SAB (-0.54)**, **TCB (-0.54)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,025** tỷ đồng, giảm **-17.04%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,550 tỷ đồng.
 - Biên độ dao động: 28.26 điểm. Thị trường có **165** mã tăng, 61 mã tham chiếu, **291** mã giảm.
 - Giá trị mua ròng của khối ngoại: **235.76** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FRT (58.06 tỷ)**, **SSI (40.11 tỷ)**, **VNM (38.21 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **53.81** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1051.58**
Giá trị: 8025.11 tỷ **-10.27 (-0.96%)**
Khối ngoại (ròng): 235.76 tỷ

HNX-INDEX **226.46**
Giá trị: 797.79 tỷ **-1.43 (-0.63%)**
Khối ngoại (ròng): 53.81 tỷ

UPCOM-INDEX **80.01**
Giá trị: 311.62 tỷ **-0.15 (-0.19%)**
Khối ngoại(ròng): 5.55 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	86.8	1.34%
Giá vàng	1,656	0.67%
Tỷ giá USD/VND	24,271	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,851	0.90%
Tỷ giá JPY/VND	16,328	0.00%
LS liên NH 1 tháng	6.1%	0.05%
LS TPCP 5 năm	5.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

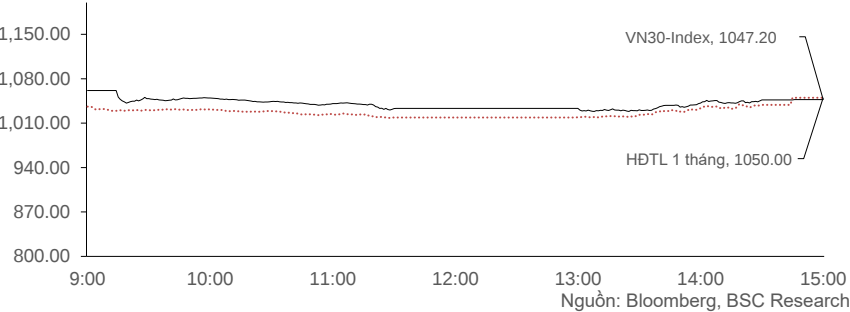
Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FRT	58.06	GEX	-39.32
SSI	40.11	KBC	-38.86
VNM	38.21	VHM	-28.21
DPM	33.27	VIC	-24.59
0/1/1900	0.00	KDH	-23.48

Nguồn: BSC Research

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Khuyến nghị dài hạn	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1050.00	0.19%	2.80	2.6%	308,081	10/20/2022	5
VN30F2211	1034.00	-0.96%	-13.20	243.1%	8,938	11/17/2022	33
VN30F2212	1038.00	-0.80%	-9.20	-18.2%	220	12/15/2022	61
VN30F2203	1032.10	-1.23%	-15.10	117.0%	191	3/16/2023	152

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -14.19 điểm xuống 1047.2 điểm, biên độ dao động 23.08 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, TCB, MWG, và VCB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm vào phiên sáng rồi hồi phục chậm vào phiên chiều theo nhịp vận động cổ phiếu cơ sở. Thanh khoản tiếp tục đi ngang sau 5 phiên, với 18/20 mã giảm. Nhà đầu tư nên giao dịch ngắn hạn theo chiều bán trong các phiên tới.
- Các HĐ đều giảm theo VN30, trừ VN30F2210 trái chiều. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng trừ VN30F2212. Xét về vị thế mở, các HĐ giảm, chỉ riêng VN30F2211 tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2210	3/2/2023	136	5:1	100	28.36%	2,700	2,250	5.14%	1,252	1.80	83,750	73,000	74,100
CHPG2223	3/2/2023	136	2:1	66,500	40.21%	2,300	990	-2.94%	444	2.23	26,360	22,500	19,250
CMBB2211	8/31/2023	318	4:1	243,100	38.21%	1,200	320	-3.03%	113	2.84	29,640	27,000	17,500
CACB2207	3/31/2023	165	4:1	196,700	32.74%	1,100	410	-4.65%	124	3.31	28,140	25,500	20,950
CFPT2211	3/2/2023	136	10:1	84,100	34.10%	1,500	580	-4.92%	249	2.33	94,900	85,000	73,800
CVRE2217	3/2/2023	136	2:1	23,900	38.02%	2,500	1,250	-5.30%	733	1.70	31,120	27,500	24,900
CFPT2210	8/31/2023	318	10:1	20,900	34.10%	2,350	1,040	-5.45%	472	2.20	106,300	90,000	73,800
CACB2206	1/3/2023	78	2:1	35,900	32.74%	1,600	330	-5.71%	59	5.56	27,020	25,500	20,950
CFPT2209	3/31/2023	165	10:1	238,500	34.10%	1,850	610	-6.15%	246	2.48	99,300	88,000	73,800
CMWG2212	3/31/2023	165	10:1	96,400	39.88%	1,650	410	-8.89%	176	2.33	83,700	75,000	58,900
CHPG2221	3/31/2023	165	4:1	41,500	40.21%	1,000	280	-9.68%	147	1.90	27,800	25,000	19,250
CVHM2216	8/31/2023	318	8:1	26,200	26.64%	1,900	880	-11.11%	222	3.96	72,960	62,000	49,500
CMWG2211	1/3/2023	78	10:1	346,200	39.88%	1,150	160	-11.11%	44	3.61	80,200	75,000	58,900
CHPG2220	1/3/2023	78	2:1	20,900	40.21%	1,500	260	-16.13%	116	2.23	26,040	24,000	19,250
CVHM2215	3/31/2023	165	6:1	19,800	26.64%	2,100	710	-16.47%	143	4.96	67,680	60,000	49,500
CVRE2216	8/31/2023	318	4:1	16,900	38.02%	1,650	760	-17.39%	470	1.62	35,760	31,000	24,900
CVRE2212	1/13/2023	88	2:1	214,600	38.02%	1,000	180	-18.18%	229	0.78	31,080	30,000	24,900
CVRE2213	3/10/2023	144	5:1	500	38.02%	1,100	370	-19.57%	114	3.24	35,099	31,999	24,900
CVRE2215	3/31/2023	165	2:1	13,300	38.02%	2,600	840	-26.96%	532	1.58	33,440	30,000	24,900
CVRE2214	1/3/2023	78	2:1	22,800	38.02%	2,050	440	-35.29%	258	1.70	31,320	29,000	24,900
Tổng		1,728,800	35.81%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/10/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2206 và CVPB2206 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 41.49% và 31.7%. Giá trị giao dịch giảm -22.63%. CVNM2210 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.27%.
- CPDR2205, CNVL2207, CHPG2219, và CPNJ2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVHM2211, CVRE2211, CVRE2206, và CVRE2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2204, CVNM2207, CPNJ2202, và CVNM2210 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	58.9	-1.7%	0.8	3,748	6.8	3,436	17.1	3.9	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	105.0	-0.1%	0.6	1,123	0.4	5,978	17.6	3.2	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	50.7	0.0%	1.1	1,636	1.2	2,411	21.0	1.7	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	39.6	-2.2%	0.8	403	0.0	3,289	12.0	1.2	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	56.0	-6.2%	0.4	9,286	1.8	(60)	#N/A N/A	2.0	12.3%	-0.2%
VRE	Bất động sản	24.9	-1.2%	1.1	2,460	1.1	571	43.6	1.8	32.3%	4.2%
VHM	Bất động sản	49.5	-4.6%	0.7	9,371	6.4	6,478	7.6	1.8	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	15.8	-4.2%	1.6	419	3.4	1,223	12.9	1.0	27.4%	8.2%
SSI	Chứng khoán	18.0	0.6%	1.8	1,165	10.5	2,674	6.7	1.3	34.5%	22.0%
VCI	Chứng khoán	28.5	3.1%	1.0	539	9.2	3,497	8.1	1.7	17.5%	24.3%
HCM	Chứng khoán	20.9	3.2%	1.7	415	3.1	2,522	8.3	1.2	40.8%	17.5%
FPT	Công nghệ	73.8	-0.3%	0.9	3,520	2.3	4,512	16.4	4.1	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	62.0	-2.2%	0.4	885	0.0	4,926	12.6	3.4	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.5	1.5%	1.0	9,278	1.4	6,669	16.7	3.6	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	32.9	-2.4%	1.5	1,817	1.3	723	45.5	1.8	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	24.1	3.4%	1.5	501	10.3	1,104	21.8	1.0	11.3%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.3	1.0%	0.8	2,737	4.7	2,108	9.6	1.7	41.1%	19.1%
DHG	Dược	82.9	-0.5%	0.3	471	0.0	6,361	13.0	2.9	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	49.0	3.2%	1.4	834	6.8	14,563	3.4	1.4	16.1%	51.9%
DCM	Hóa chất	33.2	2.8%	1.4	763	6.6	7,025	4.7	1.8	9.0%	44.7%
VCB	Ngân hàng	66.3	-2.6%	0.9	13,642	3.6	5,273	12.6	2.6	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	32.7	-0.9%	1.2	7,192	1.5	2,562	12.8	1.8	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	22.6	-0.7%	1.5	4,712	4.6	3,056	7.4	1.1	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	16.0	-1.2%	1.2	4,655	5.1	2,503	6.4	1.2	11.8%	22.2%
MBB	Ngân hàng	17.5	-1.7%	1.4	3,450	7.4	3,467	5.0	1.2	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	21.0	0.5%	1.1	3,076	3.3	3,482	6.0	1.4	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	58.9	-0.7%	0.7	210	0.1	4,413	13.3	2.0	85.3%	15.2%
NTP	Nhựa	37.9	1.1%	0.6	214	0.1	3,914	9.7	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	14.3	-1.4%	1.6	683	0.1	178	80.3	1.1	10.1%	1.4%
HPG	Thép	19.3	-1.0%	1.2	4,867	14.1	4,747	4.1	1.1	20.6%	31.8%
HSG	Thép	14.1	-0.7%	1.7	365	5.8	3,511	4.0	0.7	6.2%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	74.1	0.1%	0.5	6,733	5.4	4,055	18.3	4.5	55.1%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.1	-1.8%	0.8	5,161	0.5	7,018	26.4	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	79.0	0.0%	1.0	4,890	5.1	7,172	11.0	3.9	29.1%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	13.7	-2.2%	1.5	373	0.6	1,229	11.1	1.0	7.9%	8.8%
ACV	Vận tải	74.2	-2.4%	0.8	7,023	0.1	363	204.5	4.3	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	109.0	0.0%	1.1	2,567	1.1	176	618.7	3.4	16.3%	0.6%
HVN	Vận tải	11.5	-1.7%	1.7	1,102	0.2	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.8	0.2%	0.9	626	1.0	2,705	17.7	2.1	47.6%	12.5%
PVT	Vận tải	19.3	2.1%	1.4	272	1.0	1,982	9.7	1.1	14.6%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.4	-0.5%	0.8	392	0.1	10,334	5.5	1.8	3.0%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.4	1.9%	0.8	1,041	2.2	4,350	12.3	3.1	5.4%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.1	0.0%	1.3	184	0.1	505	22.0	0.8	1.8%	3.6%
CTD	Xây dựng	47.2	1.5%	1.4	152	0.6	(958)	#N/A N/A	0.4	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	17.1	-1.7%	1.4	188	1.6	1,446	11.8	0.8	7.6%	6.9%
REE	Điện	79.8	3.2%	-1.4	1,233	1.7	6,593	12.1	2.0	49.1%	17.7%
PC1	Điện	28.6	1.4%	-0.4	292	1.5	2,081	13.7	1.4	4.7%	10.5%
POW	Điện	11.2	3.2%	0.6	1,135	5.2	676	16.5	0.9	2.8%	5.3%
NT2	Điện	27.2	2.6%	0.7	340	1.8	3,116	8.7	1.8	14.2%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	22.6	-0.2%	1.6	754	2.2	324	69.7	1.2	18.2%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	84.0	-1%	0.9	3,780	0.2	1,640	51.2	5.0	2.9%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	111.50	1.55	0.83	300200
SHB	11.50	4.55	0.34	14.47MLN
DGC	83.10	4.14	0.31	3.91MLN
STB	18.15	2.83	0.24	12.85MLN
REE	79.80	3.23	0.23	500700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.16	1.24MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.54	66700	607060
VCB	0.00	-0.54	7.76MLN	373600
SAB	0.00	-0.50	1.80MLN	192700
TCB	0.00	-0.39	1.09MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

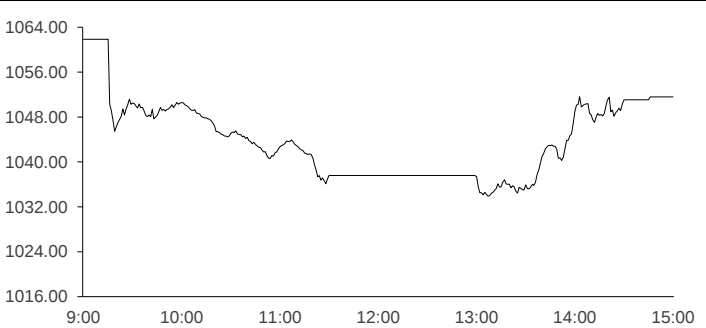
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	62.70	7.00	0.01	1300.00
PVD	21.50	6.97	0.20	13.49MLN
DC4	8.31	6.95	0.01	258700
VCG	17.75	6.93	0.14	7.17MLN
PDN	114.50	6.91	0.04	300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	56.00	-6.20	-3.59	738700
VHM	49.50	-4.62	-2.66	2.93MLN
VCB	66.30	-2.64	-2.16	1.24MLN
SAB	185.10	-1.75	-0.54	66700
TCB	25.10	-2.33	-0.54	7.76MLN

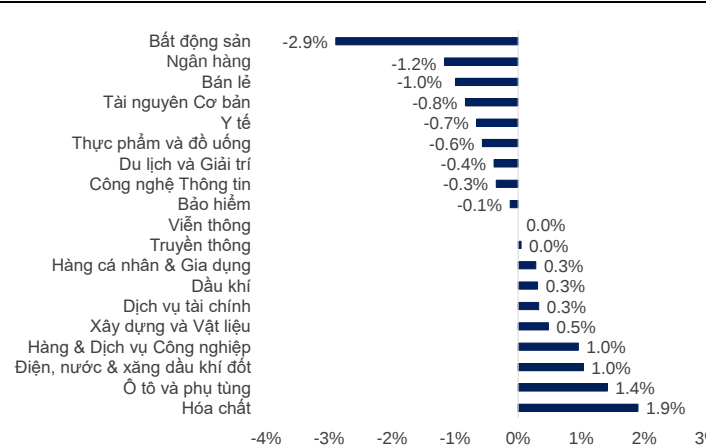
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	48.50	2.11	0.41	3.45MLN
PVS	24.10	3.43	0.31	10.07MLN
LHC	62.00	8.77	0.09	100
PTI	36.90	5.13	0.07	100.00
PVC	19.00	4.97	0.05	2.03MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	16.50	-4.62	-0.63	9700
SHS	8.50	-3.41	-0.36	6.62MLN
THD	40.80	-0.97	-0.23	14800
KSF	75.50	-1.31	-0.22	95600
CEO	15.50	-3.73	-0.19	2.66MLN

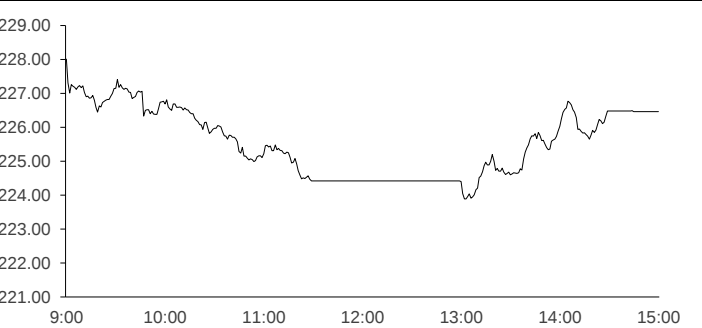
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KST	9.00	9.8	0.00	200
PSC	13.60	9.7	0.00	100
NBW	26.50	9.5	0.01	200
VC1	10.50	9.4	0.01	5600
CX8	8.40	9.1	0.00	1100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

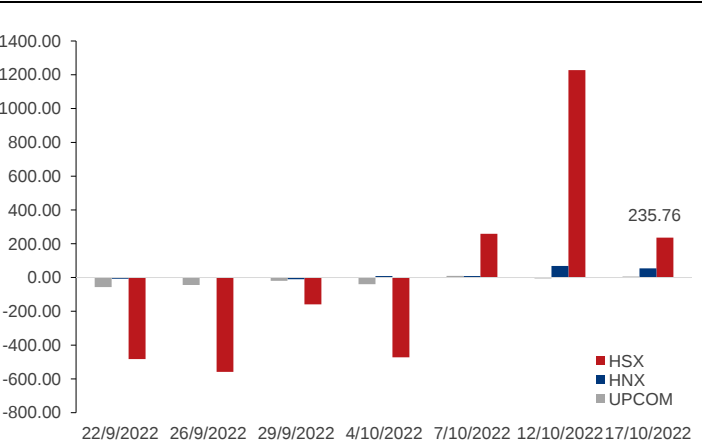
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNT	73.80	-10.00	-0.02	100
VSA	23.50	-9.62	-0.01	2500
CTT	13.40	-9.46	-0.01	200
SJE	27.90	-9.42	-0.08	100
VHL	18.60	-9.27	-0.04	12500

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	74.2	363	204.5	4.3	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	105.0	5,978	17.6	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	21.5	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	73.8	4,512	16.4	4.1	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	58.9	4,413	13.3	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	57.9	4,637	12.5	2.3	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	25.6	1,755	14.6	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	42.0	9,171	4.6	1.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	76.9	11,226	6.9	1.9	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	48.3	4,901	9.9	2.0	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	20.3	2,108	9.6	1.7	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	26.5	1,966	13.5	1.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	15.8	1,223	12.9	1.0	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	19.3	4,747	4.1	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	19.1	1,127	17.0	0.9	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	49.0	14,563	3.4	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	11.1	505	22.0	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	27.2	3,116	8.7	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	21.5	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.7	2,692	8.1	0.8	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.2	1,168	13.0	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	28.6	2,081	13.7	1.4	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.2	676	16.5	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	17.5	6,984	2.5	0.7	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	79.8	6,593	12.1	2.0	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	31.0	4,406	7.0	0.8	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	111.5	6,669	16.7	3.6	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	35.5	3,842	9.2	1.6	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	19.3	4,747	4.1	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	11.5	4,170	2.7	1.2	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	20.3	2,108	9.6	1.7	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	60.0	3,616	16.6	5.1	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	105.0	5,978	17.6	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.5	1,889	7.1	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.2	3,116	8.7	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	56.4	10,763	5.2	1.1	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	79.8	5,014	15.9	5.2	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	28.6	2,081	13.7	1.4	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	11.9	179	66.2	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	73.8	4,512	16.4	4.1	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.5	2,277	11.6	1.8	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	17.5	6,984	2.5	0.7	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.2	676	16.5	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	105.0	5,978	17.6	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	58.9	3,436	17.1	3.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.3	1,982	9.7	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
15	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
18	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
20	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
21	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
23	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
24	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
27	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
30	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
33	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
38	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
40	Banking Sector Outlook		x	Click
41	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
43	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639